

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1. Tên công trình: Trồng, chăm sóc rừng thay thế.

Thuộc Chương trình/dự án: Trồng rừng thay thế năm 2024 và năm 2025 đối với nguồn kinh phí còn tồn dư tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh;

2. Tên gói thầu: Thi công trồng rừng thay thế thuộc công trình lâm sinh trồng rừng thay thế năm 2024 và 2025 đối với nguồn kinh phí còn tồn dư tại Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh

3. Mục tiêu công trình

- Trồng rừng phòng hộ bền vững bằng các loài cây bản địa có khả năng thích nghi và chống chịu tốt với thiên tai (Lim xanh,...); cây phát triển nhanh, cải tạo đất tốt (cây Keo,...) chống xói mòn, rửa trôi, giảm thiểu về thiên tai lũ lụt. Bảo vệ, phát triển môi trường sinh thái góp phần vào việc thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Tạo công ăn việc làm, tận dụng lao động tại chỗ, phát huy tiềm năng đất đai nhằm làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân. Tạo động lực thực sự để họ sống được bằng nghề rừng và gắn bó, tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng.

4. Địa điểm đầu tư: Thực hiện tại Lô b2, b6, b7, b9, b10, c1, c3, c4, c5-Khoảnh 13, tiểu khu 311, xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; - Lô a1, a2, a5, a7, a10, b2, b3, b4, b6, b8, b9, b10, c3- Khoảnh 1b, tiểu khu 315, xã Cẩm Duệ, tỉnh Hà Tĩnh; - Lô a2a, a3, a5, a6, a8, a10, b1, b2, b9, 6- Khoảnh 2b, tiểu khu 315, xã Cẩm Duệ, tỉnh Hà Tĩnh;).

5. Chủ quản đầu tư: UBND tỉnh Hà Tĩnh.

6. Chủ đầu tư: **Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kẽ Gỗ.**

7. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

7.1. Điều kiện tự nhiên

* Vị trí địa lý: Khu vực thiết kế trồng rừng nằm trong khoảng:

Từ 105⁰26'00" - 106⁰10'00" Kinh độ Đông;

Từ 18⁰01'20" - 20⁰44'00" Vĩ độ Bắc.

- Khu vực thiết kế trồng rừng: thuộc đối tượng đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt

kết quả điều chỉnh một số diện tích Quy hoạch 3 loại rừng, Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020.

* Diện tích thiết kế:

- Tổng diện tích thiết kế: 63,63 ha.

- Tổng diện tích thi công: 63,63 ha, gồm 08 Tiểu khu, 13 khoảnh, 49 lô thuộc địa giới hành chính của các xã Cẩm Duệ (xã Cẩm Mỹ cũ), Cẩm Xuyên (xã Cẩm Quan cũ), Cẩm Hưng (xã Cẩm Thịnh cũ), Cẩm Lạc (xã Cẩm Sơn, Cẩm Lạc, Cẩm Minh cũ), tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, điều chỉnh 32,28 ha từ trồng rừng vụ thu năm 2025 sang vụ xuân năm 2026, cụ thể:

+ Diện tích trồng rừng vụ xuân (*năm 2025 – diện tích điều chỉnh theo Quyết định số 430/QĐ-BTKG ngày 09/9/2025*) 26,84 ha, gồm 06 tiểu khu, 10 khoảnh, 15 lô thuộc địa giới hành chính của các xã Cẩm Hưng (xã Cẩm Thịnh cũ), Cẩm Lạc (xã Cẩm Sơn, Cẩm Lạc, Cẩm Minh), tỉnh Hà Tĩnh.

+ Diện tích trồng vụ thu (*năm 2025*) 4,51 ha, gồm 02 Tiểu khu, 02 khoảnh, 02 lô thuộc địa giới hành chính của các xã Cẩm Xuyên (xã Cẩm Quan cũ) và Cẩm Lạc (xã Cẩm Minh cũ), tỉnh Hà Tĩnh.

+ Diện tích trồng vụ xuân (*năm 2026 – chuyển từ vụ Thu năm 2025 sang*) 32,28 ha, gồm 02 Tiểu khu, 03 khoảnh, 32 lô thuộc địa giới hành chính của các xã Cẩm Duệ (xã Cẩm Mỹ cũ), Cẩm Xuyên (xã Cẩm Quan cũ), tỉnh Hà Tĩnh.

- Trạng thái lô thiết kế: đất chưa có rừng (đất rừng sau khai thác).

* Ranh giới:

+ Bắc giáp: Vùng bán sơn địa các xã Duệ, Cẩm Xuyên, Cẩm Hưng, Cẩm Lạc;

+ Nam giáp: Rừng trồng và rừng tự nhiên.

+ Đông giáp: Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh.

+ Tây giáp: Vùng quy hoạch đất Bình Hà.

* Khí hậu:

+ Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ bình quân từ 23-26°C. Khí hậu có 4 mùa rõ rệt, mùa hè chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió Tây Nam thời tiết nắng nóng khắc nghiệt; mùa Đông thời tiết rét.

+ Lượng mưa: Trung bình hàng năm từ 2500 - 3000 mm phân bố không đều, tập trung chủ yếu vào các tháng 8 - 10 trong năm. Nằm trong khu vực thường có những đợt mưa kéo dài, nhiệt độ xuống thấp đôi khi còn xuất hiện sương muối và mưa đá. Tiểu khí hậu nhiều vùng biến động phức tạp.

+ Độ ẩm: Trung bình 70 - 80%;

+ Gió: Chủ yếu là 2 loại gió: gió Tây Nam thổi từ tháng 4 đến tháng 9 và gió mùa thường xuất hiện từ tháng 10 cho đến tháng 3 năm sau, mỗi khi gió xuất hiện thường xảy ra rét đậm.

* Địa hình: Dạng địa hình đồi núi dốc, cao, có nhiều sông suối chia cắt, độ dốc trung bình từ 10⁰- 45⁰: là vùng thượng nguồn sông hồ, gắn với các công trình hồ đập thủy lợi thiết yếu như: Hồ Sông Rác, Thượng Tuy, Kê Gõ....Mục tiêu ngăn chặn sạt lở, rửa trôi, xói mòn và phòng hộ cảnh quan, môi trường.

* Đất đai và thổ nhưỡng: Loại Đất Feralít màu vàng xám phát triển trên đá phiến thạch sét, độ dày tầng đất trung bình 35-60 cm, tỷ lệ đá lẫn từ 5-20%, thành phần cơ giới đất thịt nhẹ và trung bình, đất tối xốp. Tỷ lệ đá nổi từ 10-20%.

* Thực bì: Tại khu vực thiết kế chủ yếu là các loài cây thành ngành, sim, mua, dây leo, cỏ lau, lấu, cành nhánh Keo sau khai thác.

7.2. Đặc điểm kinh tế xã hội:

Hầu hết đời sống người dân trong vùng thực hiện dự án, thu nhập bình quân năm thấp, xếp vào mức nghèo đến trung bình. Ngành nghề chủ yếu là nông, lâm nghiệp, trong đó tỷ lệ người dân tham gia làm nghề rừng so với diện tích rừng hiện có của địa phương còn thấp. Do đó lực lượng lao động dư thừa, nên rất thuận lợi trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

8. Loài cây trồng:

- Lim xanh:

+ Tên khoa học: *Erythrophloeum fordii* Oliver

+ Họ thực vật: Vang (Caesalpiniaceae)

- Keo lai:

+ Tên khoa học: *Acacia Auriculiformis* Mangium

+ Họ Thực vật: họ Đậu (Fabaceae)

9. Tiêu chuẩn cây giống đem trồng:

- Cây Lim xanh: Cây giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, gieo ươm từ hạt, được lấy từ các vườn ươm được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp, cây con đủ tuổi theo quy định, đạt tiêu chuẩn theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12714-15:2021. Kích thước bầu: Đường kính tối thiểu 10 cm, chiều cao tối thiểu 16 cm; Tuổi cây: Từ 18-24 tháng tuổi; Đường kính cổ rễ (cm): $\geq 0,7$ cm; Chiều cao vút ngọn (cm): ≥ 40 cm; Cây con phát triển cân đối, cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt, không có biểu hiện sâu, bệnh hại.

- Cây Keo lai: Cây giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được lấy từ các vườn ươm được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp, cây con đạt tiêu chuẩn về chiều cao và đường kính cổ rễ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8760-1:2017 Hvn $\geq 24-35$ cm; Đường kính cổ rễ $\geq 0,2-04$ cm. Tuổi cây con xuất vườn: từ 2-4 tháng tuổi, kích thước bầu 7x9 cm, cây con sinh trưởng tốt, cân đối, không sâu bệnh, không cụt ngọn.

(Cây giống Lim xanh và Keo lai sẽ được Chủ đầu tư cung cấp đầy đủ để nhà thầu thực hiện).

II. Mục tiêu công việc:

1. Phạm vi công việc :

*** Đối tượng thực hiện biện pháp lâm sinh:**

Đối tượng thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ với hiện trạng là rừng trồng sau khai thác. Hiện trạng hiện nay có cây bụi và một số cành nhánh cây Keo.

** Vị trí, diện tích.*

Số lô thiết kế trồng rừng: 49 lô nằm tại 13 khoảnh, 08 tiểu khu thuộc địa giới hành chính 04 xã mới, với tổng diện tích thiết kế 63,63 ha, diện tích thi công 63,63 ha. Cụ thể:

Bảng 01. Thống kê diện tích, vị trí lô thiết kế trồng rừng

TT	Xã mới	TK	Kh	Lô	Diện tích lô thiết kế (ha)	Diện tích thi công (ha)			Hộ nhận khoán	Ghi chú	
						Tổng	Năm 2025				Năm 2026
							vụ Xuân	vụ Thu			vụ Xuân
1	Cầm Xuyên	311	13	b5	1,61	1,61		1,61		Nguyễn Công Thê	
2	Cầm Xuyên	311	13	b2	0,97	0,97			0,97		
3	Cầm Xuyên	311	13	b6	1,05	1,05			1,05		
4	Cầm Xuyên	311	13	b7	1,93	1,93			1,93		
5	Cầm Xuyên	311	13	b9	2,28	2,28			2,28		
6	Cầm Xuyên	311	13	b10	0,43	0,43			0,43		
7	Cầm Xuyên	311	13	c1	1,42	1,42			1,42		
8	Cầm Xuyên	311	13	c3	1,22	1,22			1,22		
9	Cầm Xuyên	311	13	c4	0,68	0,68			0,68		
10	Cầm Xuyên	311	13	c5	1,26	1,26			1,26		
11	Cầm Duệ	315	1b	a1	0,77	0,77			0,77		
12	Cầm Duệ	315	1b	a2	0,77	0,77			0,77		
13	Cầm Duệ	315	1b	a5	1,14	1,14			1,14		
14	Cầm Duệ	315	1b	a7	0,59	0,59			0,59		
15	Cầm Duệ	315	1b	a10	1,52	1,52			1,52		
16	Cầm Duệ	315	1b	b2	0,42	0,42			0,42		
17	Cầm Duệ	315	1b	b3	1,01	1,01			1,01		
18	Cầm Duệ	315	1b	b4	1,8	1,8			1,8		
19	Cầm Duệ	315	1b	b6	0,77	0,77			0,77		

Chuyển vụ Thu năm 2025 sang vụ Xuân năm 2026

20	Cắm Duệ	315	1b	b8	0,74	0,74			0,74	
21	Cắm Duệ	315	1b	b9	0,84	0,84			0,84	
22	Cắm Duệ	315	1b	b10	1,12	1,12			1,12	
23	Cắm Duệ	315	1b	c3	0,88	0,88			0,88	
24	Cắm Duệ	315	2b	a2a	0,23	0,23			0,23	
25	Cắm Duệ	315	2b	a3	0,31	0,31			0,31	
26	Cắm Duệ	315	2b	a5	0,54	0,54			0,54	
27	Cắm Duệ	315	2b	a6	0,37	0,37			0,37	
28	Cắm Duệ	315	2b	a8	1,42	1,42			1,42	
29	Cắm Duệ	315	2b	a10	1,18	1,18			1,18	
30	Cắm Duệ	315	2b	b1	1,44	1,44			1,44	
31	Cắm Duệ	315	2b	b2	0,99	0,99			0,99	
32	Cắm Duệ	315	2b	b9	1,26	1,26			1,26	
33	Cắm Duệ	315	2b	6	0,93	0,93			0,93	
34	Cắm Hưng	317	4	a1	0,98	0,98	0,98			Nguyễn Đình Thuận
35	Cắm Hưng	317	5	e5	1,54	1,54	1,54			Nguyễn Đình Khương
36	Cắm Hưng	317	5	c6	2,21	2,21	2,21			Kiều Đình Hoan
37	Cắm Hưng	317	5	g5	1,98	1,98	1,98			Nguyễn Đình Thường
38	Cắm Hưng	317	5	g6	1,35	1,35	1,35			Nguyễn Đình Báu
39	Cắm Lạc	322	1	a4	1,23	1,23	1,23			Trần Văn Hạnh
40	Cắm Lạc	322	4	c2	1,02	1,02	1,02			Lê Viết Quân
41	Cắm Lạc	322	5	b9	2,82	2,82	2,82			Trần Đình Ngọc
42	Cắm Lạc	323 B	4	2	2,99	2,99	2,99			Nguyễn Tổng Thê
43	Cắm Lạc	332 A	4	66	2,9	2,9		2,9		Nguyễn Xuân Tâm
44	Cắm Lạc	332 A	4	20	2,98	2,98	2,98			Trần Văn Triển
45	Cắm Lạc	332 A	4	37	2,93	2,93	2,93			Trần Trọng Vinh
46	Cắm Lạc	332 B	1	10	0,28	0,28	0,28			Nguyễn Văn Hải

Chuyển
vụ Thu
năm
2025
sang vụ
Xuân
năm
2026

47	Cẩm Lạc	332 B	1	11	1,42	1,42	1,42			Nguyễn Văn Hải	
48	Cẩm Lạc	331	2	1	2,5	2,5	2,5			Trương Thị Vy	
49	Cẩm Lạc	331	3	10	0,61	0,61	0,61			Nguyễn Xuân Bình	
				49	63,63	63,63	26,84	4,51	32,28		

Lưu ý: Khối lượng mời thầu là 32,28ha tại các địa điểm thực hiện vụ Xuân năm 2026.

2. Giải pháp kỹ thuật :

Biện pháp kỹ thuật chi tiết được thiết kế cho gói thầu Thi công trồng rừng thay thế thuộc công trình lâm sinh trồng rừng thay thế năm 2024 và 2025 đối với nguồn kinh phí còn tồn dư tại Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh được căn cứ theo Hồ sơ thiết kế đã được Chủ đầu tư phê duyệt tại các Quyết định: số 131/QĐ-BTKG ngày 03/4/2025; Quyết định 430/QĐ-BTKG ngày 09/9/2025 và Quyết định số 709/QĐ-BTKG ngày 30/12/2025 của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế - dự toán trồng rừng thay thế năm 2024 và 2025 đối với nguồn kinh phí còn tồn dư tại Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh, kèm theo Hồ sơ mời thầu này.

3. Yêu cầu tiến độ tổng thể :

Nhà thầu phải thực hiện đúng tổng tiến độ thi công các công việc của gói thầu và thời gian thi công tối đa là 42 tháng, có tính đến điều kiện thời tiết và các khoảng nghỉ giữa các giai đoạn thi công, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Cụ thể:

+ Năm 2026: Trồng rừng vào vụ Xuân (tháng 2-tháng 4); Chăm sóc 1 lần (tháng 9- tháng 11);

+ Năm 2027: Chăm sóc 2 lần (tháng 2- tháng 4 và tháng 9-tháng 11);

+ Năm 2028: Chăm sóc 2 lần (tháng 2- tháng 4 và tháng 9-tháng 11);

+ Năm 2029: Chăm sóc 1 lần (tháng 9-tháng 11);

- Thời gian thực hiện phải theo mùa vụ đã được duyệt tại hồ sơ thiết kế kèm theo.

+ Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với kế hoạch tiến độ thi công đã thống nhất với Kỹ sư giám sát của Chủ đầu tư để kịp thời có biện pháp xử lý trong quá trình tổ chức thi công.

+ Nếu Kỹ sư giám sát và Chủ đầu tư thấy tiến độ thi công Nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì Nhà thầu phải có biện pháp cần thiết với sự đồng ý của Kỹ sư giám sát để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu.

+ Nếu công trình hoàn thành chậm hơn so với thời gian quy định trong quyết định trúng thầu được phê duyệt mà do lỗi Nhà thầu gây ra, thì Nhà thầu phải chịu bù đắp mọi tổn thất và phải chịu phạt theo mức phạt trong hợp đồng được ký kết.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Yêu cầu về mặt kỹ thuật: Nhà thầu phải thực hiện toàn bộ các công việc theo quy định hiện hành của nhà nước đối với đầu tư công trình lâm sinh tại thời điểm thi công. Các quy trình kiểm tra, nghiệm thu phải là các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam.

Nhà thầu tuân thủ một số quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn sau:

1. Các văn bản pháp luật và Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu thi công lâm nghiệp

- Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp; Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp;

- Nghị quyết 1665/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh năm 2025;

- Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về quy định khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp nhà nước;

- Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyên sang mục đích sử dụng khác;

- Thông tư 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định một số định mức kinh tế-kỹ thuật về lâm nghiệp;

- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông

ng nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định các biện pháp lâm sinh; Thông tư 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018;

- Thông tư 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ nông nghiệp & PTNT quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

- Căn cứ tiêu chuẩn quốc gia giống cây lâm nghiệp - cây giống các loài cây bản địa - cây Lim xanh (TCVN 12714-15:2021); Tiêu chuẩn giống quốc gia cây giống lâm nghiệp –cây giống Keo (TCVN 14289:2024);

- Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư liên tịch 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT giữa Bộ Nội vụ- Bộ Lao động thương binh xã hội – Bộ Tài chính và Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khi vực; Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong công thức xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định 39/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc sửa đổi một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017

của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 12/6/1997 UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thành lập Ban quản lý Khu BTTN Kê Gõ; Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 8/9/2025 về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ;

Quyết định số 42/QĐ-SNN ngày 25/01/2024 của Sở NN và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu BTTN Kê Gõ;

Quyết định số 472/QĐ-BTKG ngày 24/9/2025 của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ về việc thành lập các tổ chức trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Ban quản lý Khu BTTN Kê Gõ;

- Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý Khu BTTN Kê Gõ; Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 26/11/2021;

- Các Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 389/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Hà Tĩnh năm 2024;

- Quyết định 2799/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Về việc giao khối lượng, nguồn kinh phí đầu tư trồng rừng thay thế năm 2024 và năm 2025 đối với nguồn kinh phí còn tồn dư tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;

- Văn bản số 4259/SNN-KL, ngày 24/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện trồng rừng thay thế năm 2024 và năm 2025 theo các Quyết định: số 2459/QĐ-UBND ngày 05/11/2024; số 2799/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh;

- Chứng thư thẩm định giá số 266/2025/186/CT-TPV ngày 13/3/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định Tiên Phong về việc thẩm định giá cây giống trồng rừng;

- Quyết định số 131/QĐ-BTKG ngày 03/4/2025 của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế - dự toán trồng rừng thay thế năm 2025 đối với nguồn kinh phí còn tồn dư tại Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định 430/QĐ-BTKG ngày 09/9/2025 của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ về việc điều chỉnh, sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 131/QĐ-BTKG kèm theo Hồ sơ thiết kế - dự toán trồng rừng thay thế năm 2024 và 2025;

Một số các văn bản khác có liên quan.

2. Tổ chức thực hiện:

Nhà thầu phải lập một Ban chỉ huy công trường trong đó có phân công, phân cấp trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng giữa các cá nhân, gồm các nhân lực chủ chốt sau: Chỉ huy trưởng công trường, các Kỹ thuật thi công, các chức danh khác phục vụ cho việc tổ chức thi công công trường như: An toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC, Kế hoạch, Kế toán, Thủ kho, Bảo vệ, để tổ chức quản lý thi công trên công trường theo đúng hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

Ban chỉ huy công trường của nhà thầu được đóng tại hiện trường để tổ chức quản lý thi công trên công trình, trong đó ngoài Kỹ thuật thi công phải có mặt thường xuyên trên công trường thì Chỉ huy trưởng công trình sẽ có mặt trong tất cả các cuộc họp giữa chủ đầu tư và nhà thầu kể cả đối với công việc của từng nhà thầu liên danh (trong trường hợp liên danh); ký vào các văn bản liên quan trong quá trình thi công.

Mọi chi phí cho hoạt động của Ban chỉ huy công trường đã được bao gồm trong giá dự thầu, không được tính toán theo giá dự toán riêng.

3. Chi phí hiện trường:

Nhà thầu sẽ phải có trách nhiệm và bằng chi phí của Nhà thầu để lấy các thông tin cần thiết cho việc lập hồ sơ đề xuất và tham gia các vấn đề khác trong quá trình thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không thanh toán bất kỳ khối lượng hoặc nội dung công việc nào nằm ngoài HSMT và thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

4. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát trồng rừng, chăm sóc rừng:

4.1. Yêu cầu đối với công tác thi công

- Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình theo đúng hồ sơ thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm lâm sinh hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với điều kiện riêng của làm giàu rừng tự nhiên ở tỉnh Hà Tĩnh và theo chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật giám sát đảm bảo chất lượng yêu cầu của gói thầu và những yêu cầu kỹ thuật được điều chỉnh bổ sung trong thương thảo ký kết hợp đồng.

- Nhà thầu phải bố trí phương tiện máy móc, nhân lực đảm bảo quá trình thi công

đạt chất lượng, hiệu quả và đảm bảo tiến độ công trình; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở hiện trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình.

- Trong quá trình thi công, nhà thầu phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của nhà thầu phải được ghi chép vào sổ nhật ký thi công. Các tài liệu, biên bản nghiệm thu... nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu trữ cả ở công trường và văn phòng của nhà thầu để cán bộ giám sát, cán bộ quản lý dự án, chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời điểm nào.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công trồng rừng, kể từ ngày khởi công công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; nghiệm thu kết thúc gói thầu.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với diện tích rừng trồng, người lao động, giống trồng rừng, máy móc thiết bị thì nhà thầu phải tự khắc phục, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ cây giống trồng làm giàu rừng đúng yêu cầu kỹ thuật tiêu chuẩn cây trồng theo thiết kế để thi công.

- Tổ chức thực hiện thi công trồng làm giàu rừng tự nhiên đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành gói thầu đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Bố trí chuyên gia lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng dẫn và đúng thời hạn nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện gói thầu trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận nhân viên của nhà thầu mà theo ý kiến của chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực thực hiện đúng dẫn nhiệm vụ thì nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở hiện trường, thay thế sớm bằng nhân viên khác.

- Nhà thầu phải báo cáo chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài hiện trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng, chết người, nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Trước khi nghiệm thu công trình, nhà thầu phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực hiện trường được sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình thi công Làm giàu rừng tự nhiên và chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng và chăm sóc các năm tiếp theo.

4.2. Giám sát quá trình thi công:

Giám sát kỹ thuật công trình của Chủ đầu tư được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công việc thi công của nhà thầu nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, an toàn... của dự án. Nhà thầu có trách nhiệm cùng cán bộ giám sát kỹ thuật gói thầu của Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ trên.

Toàn bộ vật tư giống cây trồng, cọc giữ cây, cọc mốc chỉ được đưa vào thực hiện gói thầu phải đảm bảo qui định thiết kế, yêu cầu kỹ thuật liên quan và sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát Chủ đầu tư. Mọi vật liệu, thiết bị bán thành phẩm không được giám sát của Chủ đầu tư chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi hiện trường trồng rừng.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời bị đình chỉ hoặc hoãn thi công trên công trường và không được đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

- Thi công không đúng yêu cầu trong hồ sơ thiết kế;
- Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường;
- Do khắc nghiệt của thời tiết làm chết cây trồng;

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu phải đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ theo qui định hiện hành và phải được trình bày đầy đủ các biện pháp chi tiết trong hồ sơ dự thầu.

- Nhà thầu phải tuân thủ các quy định: Luật phòng cháy và chữa cháy, Nghị định 79/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật phòng cháy và chữa cháy; An toàn cháy - Yêu cầu chung TCVN 3254:1989; Phòng cháy - dấu hiệu an toàn TCVN 4879:1989; An toàn nổ - yêu cầu chung TCVN 3255:1986;

- Không để sự cố cháy nổ xảy ra;

- Phải thực hiện biện pháp phòng chống cháy cho công trường; Khu vực có nguy cơ xảy ra cháy nổ cần bố trí vị trí có khoảng cách an toàn tới khu vực dân cư, có biển báo và trang bị dụng cụ, phương tiện phòng chữa cháy thích hợp;

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Trong quá trình thi công công trình, nhà thầu có trách nhiệm:

- Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường 2014, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Lập và thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công bao gồm môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao

động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường.

- Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

- Bồi thường thiệt hại do những vi phạm về vệ sinh môi trường do mình gây ra trong quá trình thi công và vận chuyển vật liệu, phế thải.

- Không gây ô nhiễm quá giới hạn cho phép tới môi trường ở trong và ngoài công trường do thải ra các yếu tố độc hại như bụi, hơi khí độc, tiếng ồn ... hoặc thải nước, bùn, rác, vật liệu phế thải.

- Nhà thầu phải thiết kế mặt bằng thi công bảo đảm các yêu cầu, đồng thời thể hiện đầy đủ các yếu tố: kho nguyên vật liệu; khu vườn lưu trữ cây giống; khu vực bố trí vật liệu phế thải.

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu phải tuân thủ luật lệ giao thông và các quy định của chính quyền địa phương; Phương tiện phải được che chắn kín, giăng buộc vững để tránh bụi, rơi vãi và rơi đổ vật xuống đường.

- Có biện pháp che chắn để chống bụi, tiếng ồn cho khu vực xung quanh.

- Phải thực hiện bảo vệ cây xanh đã có trong khu vực; Chỉ được chặt hạ khi được phép của cơ quan quản lý và đã thực hiện công tác đền bù.

7. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Trong quá trình thi công, nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công làm việc trên công trường.

- Nhà thầu thi công phải đề xuất, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, tài sản, công trình đang thi công; thiết bị, vật tư phục vụ thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định về an toàn trước khi đưa vào sử dụng.

- Các biện pháp an toàn và nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải được bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi xảy ra sự cố mất an toàn phải tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đến khi khắc phục xong mới được tiếp tục thi công.

- Nhà thầu có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tập huấn các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động theo quy định

của pháp luật về an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được huấn luyện và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Nhà thầu phải chuẩn bị bố trí biển báo, rào che chắn thi công ở những nơi cần thiết để bảo đảm an toàn và chỉ dẫn mọi người thực hiện;

- Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến an toàn của người lao động, thiết bị, vật tư, công trường. Đảm bảo trật tự cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hộ lao động như: thời gian làm việc, nghỉ ngơi; lao động nữ; lao động chưa thành niên; bồi dưỡng độc hại; trang bị phương tiện, trang bị bảo hộ lao động; giảm nhẹ khâu lao động nặng nhọc và hạn chế các yếu tố gây độc hại, gây bệnh nghề nghiệp và gây sự cố nguy hiểm; Cần bố trí các tiện nghi phục vụ sinh hoạt cho người lao động bao gồm nhà vệ sinh, nhà trú nắng mưa, nước sinh hoạt, nước uống, nơi nghỉ giữa ca, nơi sơ cấp cứu và phương tiện cấp cứu...

- Phải báo cáo cho Chủ đầu tư các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng hư hỏng hay chết người Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có. Thực hiện đầy đủ quy định về an toàn, vệ sinh lao động và chế độ khai báo, điều tra nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thực hiện (không thuộc trách nhiệm bên chủ đầu tư) Nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.

8. Biện pháp huy động vật tư và nhân lực thi công:

8.1. Về vật tư vật liệu:

Vật tư vật liệu phải đảm bảo cung cấp đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, tiến độ cung ứng (hoặc có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp).

Vật tư vật liệu đưa vào công trường phải đúng chủng loại, qui cách và chất lượng, theo đúng hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, phải được kiểm nghiệm chất lượng. Bên A sẽ thường xuyên kiểm tra nếu phát hiện không đúng sẽ bị loại và lập biên bản. Nếu tái phạm với bất kỳ lý do gì, Bên A có quyền từ chối nghiệm thu kể cả khối lượng đối với những công việc có liên quan. Những vật tư vật liệu đưa vào công trình không đảm bảo chất lượng, bị loại thì chậm nhất 24 giờ sau phải đưa ra khỏi công trình. Nếu sau 24 giờ mà đơn vị thi công không vận chuyển ra khỏi công trình thì Bên A có quyền đình chỉ thi công và mọi sự chậm trễ tiến độ và các ảnh hưởng khác Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm;

Đối với các vật liệu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình,

trước khi đưa vào thi công phải có nguồn gốc xuất xứ, chủng loại đúng theo hồ sơ mời thầu được duyệt, một số vật liệu dưới dạng thành phẩm phải có cam kết đảm bảo chất lượng của nhà cung cấp.

8.2. Về nhân lực:

Nhà thầu phải có đầy đủ nhân sự và sẽ bố trí đủ cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu ở Mục a) Nhân sự chủ chốt thuộc Khoản 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật.

Ngoài ra, Nhà thầu phải đề xuất và cam kết rằng mình có đầy đủ công nhân kỹ thuật, lao động đáp ứng yêu cầu gói thầu.

Ghi Chú: Do tính chất đây là một gói thầu Làm giàu rừng tự nhiên có phân bổ kế hoạch vốn theo từng năm trồng và năm chăm sóc riêng biệt, hiện nay chưa có quy định pháp lý cho việc điều chỉnh nguồn vốn bố trí từ năm này qua năm khác như các loại công trình khác. Do đó, đề nghị Nhà thầu tham dự thầu tìm hiểu áp dụng các định mức, quy định hiện hành để xây dựng dự toán dự thầu (gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, thu nhập chịu thuế tính trước và Thuế GTGT) và khuyến cáo không vượt giá trị chi phí theo kế hoạch vốn hằng năm của công trình theo hồ sơ thiết kế kèm theo.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần chính như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

Nội dung này phải có trình tự hợp lý, có đầy đủ nội dung đáp ứng yêu cầu của mục 3 Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật thuộc chương III của E-HSMT này.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả làm giàu rừng theo quy định của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT, ngày 12/12/2024 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Và các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

(Chi tiết sẽ được các bên thương thảo và thống nhất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng).